

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 10: Chính tả

Hướng dẫn Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 10 trang 46: Chính tả

Câu 1. Điền c hoặc k vào chỗ trống:

coná, coniến, câyầu, dòngênh

Câu 2. Điền vào chỗ trống:

a) l hoặc n

.....o sợ, ăn.....o, hoaan, thuyềnan

b) nghỉ hoặc nghĩ

..... học, lo, ngơi, ngẫm

TRẢ LỜI:

Câu 1. Điền c hoặc k vào chỗ trống:

con cá, con kiến, cây cầu, dòng kênh

Câu 2. Điền vào chỗ trống:

a) l hoặc n

lo sợ, ăn no, hoa lan, thuyền nan

b) nghỉ hoặc nghĩ

nghỉ học, lo nghĩ, nghỉ ngơi, ngẫm nghĩ

Hướng dẫn Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1 tuần 10 trang 47: Chính tả

Câu 1. Viết ba chữ bắt đầu bằng c, ba chữ bắt đầu bằng k vào chỗ trống trong bảng sau:

Chữ bắt đầu bằng c	Chữ bắt đầu bằng k
--------------------	--------------------

M : cò,	M : kẹo,
---------------	----------------

Câu 2. a) Điền vào chỗ trống **l** hoặc **n** :

Lênon mới biếton cao

... uôi con mới biết côngao mẹ thầy.

b) Đặt trên chữ in đậm **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã** :

dạy **bao** - con **bao**

lặng **le** - số **le**

mạnh **me** - sút **me**

áo **vai** - vương **vai**

TRẢ LỜI:

Câu 1. Viết ba chữ bắt đầu bằng **c**, ba chữ bắt đầu bằng **k** vào chỗ trống trong bảng sau:

Chữ bắt đầu bằng c	Chữ bắt đầu bằng k
M : cò, cá, cây, củ, cỏ, công	M : kẹo, kiến, kính, kênh, kèm

Câu 2. a) Điền vào chỗ trống **l** hoặc **n**:

Lên **non** mới biết **non** cao

Nuôi con mới biết công **lao** mẹ thầy.

b) Đặt trên chữ in đậm **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã** :

dạy **bảo** - con **bảo**

lặng **lẽ** - số **lẽ**

mạnh **mẽ** - sút **mẽ**

áo **vải** - vương **vải**

Tham khảo toàn bộ giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 tại đây:

<https://vndoc.com/giai-vo-bai-tap-tieng-viet-2>